ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 162/BC-UBND	*Đại Đồng, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả rà soát, đánh giá toàn diện các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Đại Đồng

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Công văn số 420-CV/TU ngày 17/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Thực hiện Công văn số 2219/UBND-KGVX ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc rà soát, đánh giá toàn diện các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, UBND xã Đại Đồng báo cáo kết quả rà soát, đánh giá toàn diện các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Xã Đại Đồng nằm ở cực Đông Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm thủ đô Hà nội 30km, phía Đông giáp xã Cẩm Giàng, tỉnh Hải Phòng, phía Tây giáp xã Lạc Đạo, phía Bắc giáp phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh, phía Nam giáp phường Thượng Hồng. Trên cơ sở sáp nhập 03 xã cũ (Đại Đồng, Việt Hưng, Lương Tài) thành xã Đại Đồng mới, bắt đầu chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, với diện tích đất tự nhiên khoảng 25,6 km2, có tổng số 27 thôn, dân số trên 32 nghìn người. Xã có đường sắt Hà Nội - Hải Phòng chạy qua và các tuyến đường ĐT 380; ĐT 385; ĐT 387; đường Hà Nội - Hưng Yên kéo dài; đường ĐH 15 lưu thông, đặc biệt hiện nay, trên địa bàn xã có dự án tuyến đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng chạy qua.

Sau khi được sáp nhập, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hướng dẫn chuyên môn sâu sát của các sở, ngành, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Đại Đồng đã luôn chung sức đồng lòng, phát huy tinh thần tự lực tự cường, hợp tác linh hoạt, khắc phục những tồn tại khó khăn, định hướng, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trọng tâm xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số gắn với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng kinh tế hai con số. Hiện nay, toàn xã có 40 cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức, đang

công tác tại các phòng (Văn phòng HĐND-UBND; Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ Văn hóa - Xã hội. 100% cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức của xã có trình độ Đại học.

Song, bên cạnh những yếu tố thuận lợi trên, hiện xã cũng đang có những khó khăn, thách thức riêng trong giai đoạn đầu vận hành, hoạt động mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, như: địa bàn rộng, nằm dọc theo đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, giáp ranh với một số thành phố lớn (Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh), mật độ và trình độ dân trí không đồng đều, trình độ cán bộ, công chức, viên chức chưa đồng đều; khối lượng công việc lớn, một số vấn đề còn tồn đọng (của 03 xã cũ), hạ tầng kỹ thật, hạ tầng công nghệ cơ bản chưa đáp ứng theo yêu cầu thực tế,...

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình, Kế hoạch các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số của xã

Căn cứ sự chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Kế hoạch số 416-KH/TU, số 433-KH/TU, số 440-KH/TU, số 443-KH/TU, số 36-KH/TU); Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 40-KH/ĐU, ngày 23/02/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Đại Đồng về việc triển khai thực hiện chuyển đổi số trong năm 2026; Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các Quyết định, Kế hoạch và nhiều văn bản khác để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã (từ ngày 01/7/2025 và quý 1 năm 2026), tiêu biểu như:

- Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 về việc thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính xã Đại Đồng;

- Quyết định số 29/QĐ-UBND30/7/2025 về việc thành lập Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng;

- Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06;

- Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng;

- Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 11/8/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-

NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đại Đồng;

- Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 06/10/2025 về việc hưởng ứng tổ chức các hoạt động Ngày hội Đổi mới sáng tạo (01/10), Ngày chuyển đổi số tỉnh Hưng yên (10/10) và hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đại Đồng;

- Công văn số 47/UBND-VHXH ngày 13/01/2026 của UBND xã về triển khai sử dụng Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Hưng yên trên địa bàn xã Đại Đồng;

- Công văn số 129/UBND-VHXH ngày 28/01/2026 của UBND xã về việc triển khai Quyết định số 119/QĐ-TTg ngày 16/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Thông tin tuyên truyền về phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội" trên địa bàn xã Đại Đồng;

- Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND xã về thực hiện chuyển đổi số xã năm 2026;

- Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 của UBND xã về thành lập Hội đồng sáng kiến xã Đại Đồng năm 2026.

(Phụ lục 01- Các văn bản đã ban hành)

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến để tổ chức triển khai Nghị quyết số 57 và các Kế hoạch của Ban thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh về chuyển đổi số

Ủy ban nhân dân xã đã chủ động, hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và những lợi ích tích cực của công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số mang lại trong hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh,... chú trọng tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ đã được Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đưa ra tại Nghị Quyết 57, các Kế hoạch: số 416- KH/TU ngày 22/4/2025; số 433-KH/TU ngày 11/6/2025; số 440-KH/TU ngày 20/6/2025; số 443-KH/TU ngày 25/6/2025,... và Thông báo Kết luận số 06,... về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi.

Hình thức tuyên truyền: Vận dụng, áp dụng linh hoạt các hình thức tuyên truyền, đa dạng, phong phú, nội dung dễ tiếp cận, dễ hiểu, cụ thể:

- Tuyên truyền, quán triệt thông qua Hội nghị, các buổi sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội xã, các buổi họp chuyên môn của các phòng, ngành, đơn vị xã.

- Tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng (Đài truyền thanh xã, cụm loa truyền thanh thôn, Cổng thông tin điện tử xã, trang fanpage Đại Đồng phát triển và một số nền tảng số tích cực).

- Lồng ghép tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa trong các Hội thi, Hội diễn, Liên hoan văn hóa, văn nghệ quần chúng.

- Tuyên trên trên Cổng thông tin điện tử xã.

3. Công tác phân công nhiệm vụ, bố trí nhân lực thực hiện công tác chuyển đổi số

Nhằm triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn, năm 2026, Ủy ban nhân dân xã tiếp tục chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các phòng, ngành, đơn vị xã, nhất là nhiệm vụ phân công công việc, nhiệm vụ, bố trí nhân lực thực hiện công tác chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, theo đó, bố trí:

- Lãnh đạo UBND xã: đồng chí Chủ tịch, chịu trách nhiệm chung về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã; đồng chí Phó chủ tịch phụ trách Văn xã chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Đối với các phòng, ngành, đơn vị liên quan:

+ Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Cơ quan thường trực tham mưu và triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bố trí 01 Trưởng phòng chịu trách nhiệm chung tham mưu UBND xã trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; 01 đồng trí Phó trưởng phòng giúp Trưởng phòng tham mưu, thực hiện nhiệm vụ về về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (kiêm nhiệm vị trí chuyên viên phụ trách chính về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số); 01 đồng chí hợp đồng với UBND xã, phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ về về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

+ Công an xã: Chịu trách nhiệm chính, chủ trì triển khai nhiệm vụ về Đề án 06 và các nhiệm vụ chuyển đổi số liên quan.

+ Văn phòng HĐND&UBND; Trung tâm Phục vụ Hành chính công và Phòng Kinh tế xã bố trí ít nhất 01 công chức kiêm nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo lĩnh vực chuyên môn phụ trách.

+ Các đơn vị: Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp; Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng xã; Trạm Y tế xã; các cơ sở Giáo dục & Đào tạo trong xã bố trí 01 viên chức kiêm nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ,

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW

1. Phát triển chính quyền số

1.1. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành

Thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước ngày càng được nâng lên, đã và đang mang lại hiệu quả tích cực, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị xã cơ bản đã linh hoạt trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành,

triển khai công việc. 100% cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý đã ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành công việc; thực hiện các thao tác giao nhiệm vụ theo phân cấp phân quyền trên hệ thống điều hành và quản lý văn bản. Ngoài ra, để thuận tiện, cán bộ lãnh đạo quản lý và CCVC nói chung trong toàn xã đã lập, tham gia các nhóm Zalo công việc chung theo ngành, lĩnh vực phụ trách (trừ văn bản mật theo quy định), nhằm kịp thời nắm bắt thông tin, trao đổi công việc, giúp xử lý công việc kịp thời gian. Trong giới hạn cho phép, nhiều cán bộ, công chức, viên chức đã linh hoạt vận dụng trí tuệ nhân tạo AI, CHATGPT, NotebookLM,... để tham khảo, xử lý trong công việc chuyên môn.

1.2. Tỷ lệ ban hành văn bản điện tử (ký số), chữ ký số, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng

100% văn bản của UBND xã được ký số, phát hành trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định). Xã đã thực hiện cung cấp thông tin đầy đủ trên môi trường mạng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tỷ lệ hồ sơ công việc trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành đạt 100%. Tỷ lệ thực hiện chữ ký số cá nhân của các đồng chí lãnh đạo quản lý đạt 100% (tính tại thời điểm hiện tại, trừ văn bản mật theo quy định). 100% văn bản của các đơn vị trường học đều được ký số, phát hành trên môi trường mạng (qua hệ thống phần mềm quản lý và điều hành); tỷ lệ xử lý hồ sơ trên nền tảng số của cán bộ, công chức, viên chức (cả viên chức Giáo dục) đạt 100%, như: xử lý công việc, nhiệm vụ hàng ngày được gia trên môi trường điện tử (xin ý kiến, trình ký, phân luồng công việc, giáo án số, kế hoạch dạy học số, học bạ số, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức số,...).

1.3. Sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung

- Các cơ quan nhà nước trên địa xã tiếp tục triển khai, ứng dụng hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung như: Phần mềm văn bản quản lý và điều hành, Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống báo cáo chính phủ… Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: CSDL quốc gia về dân cư, Tư pháp - hộ tịch, nội vụ, văn hóa, đất đai, đăng ký kinh doanh, bảo trợ xã hội… đảm bảo ứng dụng và kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ, ngành, tỉnh triển khai. Sử dụng kịp thời, hiệu quả thư điện tử công vụ (Email) trong hoạt động quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ hàng ngày.

- Đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác absn trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử,...

- Cổng thông tin điện tử xã tiếp tục hoạt động hiệu quả, đã kịp thời cung cấp, đăng tải tin, bài, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy - Hội đồng

nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, trong đó bao gồm các mục: Thông tin tuyên truyền; Tin tức - Sự kiện; Chuyển đổi số; Cải cách hành chính; Bầu cử; Văn bản ban hành. Trong quý 1 năm 2026, ngoài việc đăng tải các thông tin, văn bản về tình hình hoạt động của các lĩnh vực chính trị, văn hóa, kinh tế, y tế, giáo dục,... Cổng thông tin điện tử xã đã phát huy tốt vai trò đăng tải, tuyên truyền về cuộc Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026-2031. Trong ba tháng đã đăng tải trên 30 tin, bài và trên 200 văn bản, trong đó có tới sấp xỉ 60 tin, bài, văn bản về bầu cử.

- UBND xã đã chỉ đạo Công an xã tiếp tục tập trung thực hiện Đề án 06 (theo ngành dọc giao nhiệm vụ) và các nhiệm vụ chuyên môn khác về chuyển đổi số, theo đó, ngành Công an đã ban hành 416 văn bản điện tử; đã tiếp nhận và giải quyết 1061 hồ sơ dịch vụ công; tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đạt 100%; đã triển khai thực hiện chiến lược phát triển dữ liệu và quy hoạch tổng thể hạ tầng trung tâm dũ liệu ngành, chú trọng tháo gỡ điểm nghẽn, xây dựng, kết nối, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu Công an nhân dân; đã triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông Công an xã; thực hiện đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật. Tiếp tục hướng dẫn công dân đủ từ 14 tuổi trở lên trong toàn xã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2.

- Hoạt động của Trung tâm Phục vụ HCC: Xã đã thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, trong đó tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 100%. Quý 1/2026, đã tiếp nhận 2.073 hồ sơ (có 72 hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua, 2.001 hồ sơ tiếp nhận trong kỳ quý 1/2026 tính đến 14/3/2026), gồm 1.923 hồ sơ tiếp nhận trên hệ thống Cổng dịch vụ công tỉnh; 88 hồ sơ tiếp nhận trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các Bộ, ngành. Đã giải quyết và trả kết quả cho công dân được 1.889 hồ sơ, đúng hạn và trước hạn là 1.885 hồ sơ, đạt 99,8%; quá hạn là 04 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,2%. Hiện số hồ sơ đang trong quá trình giải quyết là 114 hồ sơ. Đã thực hiện tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, tuy nhiên, quý 1/2026, xã chưa phát sinh hồ sơ phi địa giới. Tỷ lệ số hóa kết quả là 99,34%. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt 98,8%.

Việc triển khai chính quyền số tại xã Đại Đồng đã có những bước tiến đáng kể, như: giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng dịch vụ công, quản lý dữ liệu và quản lý hành chính hiệu quả hơn; người dân được hưởng lợi từ các dịch vụ công tiện ích, dễ dàng tiếp cận thông tin và giải quyết các thủ tục hành chính nhanh, gọn, hiệu quả; việc công khai, minh bạch dữ liệu và giải quyết thủ tục hành chính công bằng, hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

2. Phát triển kinh tế số

2.1. Ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh

UBND xã đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn đẩy mạnh tuyên truyền về hoạt động khoa học công nghệ, kinh tế số, nhấn mạnh sự khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đổi mới mô hình kinh doanh trong phát triển kinh tế số, đẩy

mạnh ứng dụng linh hoạt công nghệ số, quản trị số để tạo ra các giá trị mới, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, đảm bảo tính phù hợp với nhu cầu của khách hàng, vận dụng nền tảng kết nối với khách hàng ở bất cứ nơi đâu, kết nối người bán và người mua thông qua nền tảng công nghệ số. Trong thời gian qua, tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể vận dụng các nền tảng công nghệ để bán hàng, có sự đổi mới mô hình kinh doanh trong hoạt động kinh doanh số. Một số mô hình sản xuất, chăn nuôi bước đầu đã và đang tiếp nhận, ứng dụng công nghệ hiệu quả, như: Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Xuân Đào, chuyên trồng các loại hoa, cây dược liệu, cây cảnh, trong đó có sản phẩm hoa cúc chi đã ứng dụng công nghệ sấy khô, đóng gói, in nhãn mác, bảo quản; Hợp tác xã Sen Việt Hưng, đạt tiêu chuẩn VIETGAP, đã ứng dụng công nghệ sấy khô, công nghệ bảo quản, chế biến hạt sen. Hợp tác xã dược liệu Sầm Khúc, chuyên về dược liệu, đã ứng dụng công nghệ sinh học trong sấy khô và bảo quản sản phẩm; Trang trại nuôi gà thịt Sầm Khúc, chuyên cung cấp gà thịt ra thị trường, đã ứng dụng công nghệ về chăn nuôi gà, về bảo quản thức ăn chăn nuôi; mô hình nuôi cua đồng, nuôi cá trắm đen ở Phả Lê, đã ứng dụng công nghệ chăn nuôi và bảo quản thức ăn chăn nuôi; mô hình sản xuất rượu Hải Tửu ứng dụng công nghệ nấu, bảo quản, đóng chai và rán nhãn mác sản phẩm, làng nghề đúc đồng Lộng Thượng ứng dụng công nghệ đúc khuôn, phủ bóng, nhãn mác thương hiệu sản phẩm. Thời gian tới, xã dự kiến đầu tư hỗ trợ cho các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất như: Mô hình nuôi cá trắm đen thương phẩm theo hướng VietGrap, Chăn nuôi gà ri thương phẩm an toàn sinh học, thâm canh cua đồng thương phẩm...

2.2. Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tham gia xây dựng và phát triển môi trường thương mại điện tử

Hiện nay, thực trạng môi trường thương mại điện tử của Việt Nam nói chung và của xã Đại Đồng nói riêng là đã và đang phát triển khá mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng khá cao nhờ sự bùng nổ của thương mại điện tử di động, sự ứng dụng công nghệ thông minh và hình thức thanh toán không dùng tiêng mặt. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng cao, nhiều doanh nghiệp, cá nhân và hộ kinh doanh trong xã đã và đang tham gia hoạt động thương mại điện tử trên một số sàn giao dịch và chủ yếu trên các nền tảng mạng xã hội (zalo, facebook,...). 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể khi xuất hóa đơn giao dịch đều là hóa đơn điện tử.

UBND xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Xã hội tập trung, lồng ghép tuyên truyền tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã tham gia chương trình SMEdx, sử dụng nền tảng số, sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử,... trong các hoạt động kinh doanh.

Việc xây dựng và phổ cập thanh toán điện tử là một trong các nhiệm quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế số của xã Đại Đồng. Chính vậy, từ việc cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, UBND xã đã xác định, việc tuyên truyền, xây dựng và phổ cập thanh toán điện tử tới doanh nghiệp và người dân là một trong các nhiệm vụ cần kíp, là xu thế tất yếu trong thời đại số, từ đó đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn không chỉ tăng

cường tuyên truyền mà còn phổ cập tới đông đảo người dân và doanh nghiệp về việc thanh toán điện tử. Thời gian qua, việc thanh toán điện tử trên địa bàn xã đang ngày càng phổ biến, sự phát triển nhanh chóng của các giao dịch trực tuyến, hình thức quét mã thanh toán được doanh nghiệp và người dân áp dụng rộng rãi, ước khoảng 90% người dân, công ty, doanh nghiệp đã dần bỏ đi thói quen thanh toán tiền mặt, chuyển sang hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Phát triển xã hội số

- Xã đã thực hiện hiệu quả việc tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trong đó chú trọng tính tiện lợi, gọn gàng, tiết kiệm thời gian đi lại, có thể thao tác tại nhà để nộp hồ sơ online, phân tích kỹ những ưu điểm khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Kết quả: thời gian qua, tỷ lệ người dân, nhất là một số công dân cao tuổi cũng đã thấu hiểu hơn và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, xã đã thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, trong đó tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 100%. Đã tiếp nhận 2.073 hồ sơ. Đã giải quyết và trả kết quả cho công dân được 1.889 hồ sơ, đúng hạn và trước hạn là 1.885 hồ sơ, đạt 99,8%; quá hạn là 04 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,2%. Hiện số hồ sơ đang trong quá trình giải quyết là 114 hồ sơ. Đã thực hiện tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, tuy nhiên, quý 1/2026, xã chưa phát sinh hồ sơ phi địa giới.

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn hưởng ứng phong trào "Bình dân học vụ số", "Ngày hội toàn dân học vụ số", đồng thời tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, phát huy hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng là cánh tay nối dài của chính quyền cấp xã trong việc trực tiếp, kịp thời hướng dẫn người dân địa phương tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, với phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà", "cầm tay chỉ việc", "Cầm bút, chỉ tay", thời gian qua, Tổ công nghệ số cộng đồng xã, thôn đã tận tình, kịp thời hướng dẫn người dân nắm bắt. tiếp cận và sử dụng tốt các dịch vụ số như: định danh điện tử, nộp hồ sơ online, thanh toán không dùng tiền mặt,...

- Thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong Giáo dục và cơ bản đã sử dụng, khai thác chuyển đổi số trong y tế tại các cơ sở Giáo dục và Y tế trong xã.

4. Hạ tầng số và an toàn thông tin

4.1. Trang thiết bị, hệ thống mạng, phần mềm phục vụ chuyển đổi số

UBND xã đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp viễn thông VIETTEL, VNPT,... rà soát tạ tầng công nghệ toàn xã. Qua đó, đánh giá thực trạng hạ tầng công nghệ, có phương án đầu tư nâng cấp về cấu hình, đường truyền, mạng LAN, thiết bị CPU, thiết bị lưu điện,... nhằm cơ bản đảm bảo hạ tầng công nghệ đáp ứng được yêu cầu công việc.

Kết quả rà soát: Hiện nay, UBND xã có 38 cán bộ, công chức, viên chức, làm việc chuyên môn tại các phòng: Văn hóa - Xã hội; Kinh tế; Trung tâm Phục vụ HCC; Văn phòng HĐND-UBND và Trung tâm Dịch vụ Văn hóa - Xã hội xã. Trong đó, có 38/38 cán bộ, công chức, viên chức có máy tính phục vụ công tác (cả máy cây và máy tính xách tay). Đa phần máy tính, máy in, máy phô tô, máy scan

được sử dụng là mang từ các cơ quan, đơn vị công tác cũ về, thời hạn dùng thường từ 05 năm trở lên, thậm chí có máy đã dùng trên 10 năm, hoặc lâu hơn, chưa được nâng cấp. Qua rà soát thực tế, có 20/38 máy đã quá cũ, cấu hình thấp, không đáp ứng nhu cầu công việc trong thời đại số, cần được thay thế; có 01/38 máy vẫn tạm dùng được, nhưng cần được nâng cấp kịp thời; có 07/38 máy có thể đáp ứng nhiệm vụ công việc.

Trong thời gian bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, xã đã đầu tư 01 máy tích mới, cơ bản đảm bảo các tiêu chuẩn, để phục vụ riêng công tác bầu cử.

Xã Đại Đồng hiện đang dùng hệ thống mạng LAN, wifi tập trung, có một số ít máy được trang bị phần mềm phòng, chống mã độc, nhưng hiện đã gần hết hạn. Mạng LAN, wifi nhiều khi tốc độ đường truyền chậm, nghẽn mạng, hay bị mất mạng, làm chậm và gián đoạn công việc, ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công việc.

Đài truyền thanh xã được thành lập trên cơ sở của 3 đài xã cũ, gồm: Đại Đồng, Việt Hưng, Lương Tài. Hiện nay cơ sở vật chất phục vụ công tác truyền thanh cơ sở của Đài truyền thanh xã cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc. Trong quý 1, xã đã tiến hành nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông xã, tiến hành nâng cấp cho 09 cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại các thôn, lắp thêm 03 cụm loa mới ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, tổng số cụm loa toàn xã giờ là 52 cụm loa, được đặt tại 27 thôn trong xã, cơ bản đáp ứng tiếp sóng, phát loa hàng ngay, kịp thời thông tin tuyên truyền đến người dân với đường truyền ổn định, âm lượng vang và to rõ ràng.

4.2. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

Căn cứ chắc năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và căn cứ đề nghị của cấp có thẩm quyền, UBND xã xây dựng, ban hành văn bản góp ý, đề xuất về cơ chế, chính sách để triển khai các nhiệm vụ về lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Công an xã là cơ quan chủ trì, tham mưu, đề xuất, triển khai kế hoạch đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

UBND xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Xã hội tập trung, lồng ghép tuyên truyền về các kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin, nâng cao trách nhiệm trong tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trên môi trường số. Một số máy tính cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức cũng được cài đặt phần mềm diệt virut. Tuy nhiên, hiện xã chưa có quy trình, quy chế ATTT, chưa phân quyền truy cập theo vai trò; phần mềm chống mã độc không đồng nhất; thiết bị tường lửa cứng chưa có. Không có hệ thống giám sát, sao lưu dữ liệu định kỳ, rủi ro mất mát dữ liệu cao. Một số máy tính không có hệ điều hành, phần mềm diệt virus, office bản quyền. Từ đó rất dễ xảy ra rủi ro về mất an toàn thông tin, thất thoát dữ liệu, gián đoạn hoạt động do sự cố hạ tầng và giảm hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp, chậm tiến độ xử lý hồ sơ, ảnh hưởng chỉ số CCHC.

5. Nguồn lực, kinh phí cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã

5.1. Đăng ký tập huấn, nhân lực và kinh phí dành cho KHCN, ĐMST, CĐS

- Về nguồn nhân lực số: Để kịp thời triển khai các nhiệm vụ hiệu quả, UBND xã đã bố trí 01 Phó trưởng phòng, kiêm nhiệm (thuộc phòng Văn hóa - Xã hội) thực hiện nhiệm vụ về công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị thuộc xã cử cán bộ đầu mối phụ trách công tác chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; đã tiến hành rà soát, lập danh sách gửi tỉnh báo cáo về nhân lực phụ trách triển khai công tác chuyển đổi số toàn xã; đã rà soát, lập danh sách cử đầu mối phụ trách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gửi tỉnh; đã ban hành Quyết định thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong thủ tục hành chính; đã tiến hành rà soát nhân lực phụ trách, vận hành Đài truyền thanh xã,... Qua đó, cơ bản góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

- Đã cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số. Hiện xã có 01 công chức thuộc Phòng Văn hóa - Xã hội đang theo học văn bằng 2 về công nghệ thông tin theo kế hoạch triệu tập của Sở nội vụ tỉnh, thời gian học là 02 năm.

- Về kinh phí dành cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Năm 2026, hiện tại xã được quyết định phê duyệt kinh phí dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số với kinh phí trên 02 tỷ đồng.

5.2. Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Cơ bản, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị, các cơ sở Y tế, Giáo dục đều đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số, tuy nhiên trình độ, kỹ năng chuyển đổi số chưa đồng đều, do độ tuổi, do môi trường, nhiệm vụ, công việc được giao. Cơ sở hạ tầng công nghệ hiện tại mới chỉ đáp ứng về điều kiện cơ bản, cần phải đầu tư, nâng cấp (máy móc, thiết bị, mạng LAN, phần mềm phòng, chống mã độc, cấu hình, ram, CPU,...) để đồng bộ hơn.

6. Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- UBND xã đã tập trung triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Trên địa bàn phường chưa có doanh nghiệp khoa học - công nghệ quy mô lớn; tuy nhiên, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã từng bước ứng dụng công nghệ, tham gia thương mại điện tử, sử dụng hóa đơn điện tử, chữ ký số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Xã đã đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới được quan tâm, triển khai thường xuyên. Năm 2026, xã được UBND tỉnh Quyết định phê duyệt kinh phí thực hiện 02 mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Về sở hữu trí tuệ, UBND xã đã chủ động phối hợp lồng ghép tuyên truyền, hướng dẫn quy trình đăng ký bảo hộ sáng chế, nhãn hiệu theo quy định;

tuy nhiên, trong kỳ chưa phát sinh hồ sơ đăng ký mới.

- Đối với Cổng sáng kiến và sàn giao dịch khoa học và công nghệ, UBND xã đã lồng ghép tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các cá nhân, tổ chức tham gia; triển khai đầy đủ các nhiệm vụ theo quy trình đăng ký, cơ chế chia sẻ, bảo mật dữ liệu và phân định rõ trách nhiệm của các bên liên quan. Tuy nhiên, đến nay chưa phát sinh sáng kiến được đăng tải từ địa phương.

(Phụ lục 02 - Các nhiệm vụ cụ thể)

III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Nguồn nhân lực cho công tác tham mưu, thực hiện về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thiếu (có hợp đồng 01 đồng chí), nhưng thiếu cán bộ chuyên trách, hiện nay đang là công chức kiêm nhiệm.

- Việc triển khai các hoạt động đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ mới được thực hiện theo các gói nhỏ lẻ, chưa đồng bộ, chưa quy mô phủ khắp. Xã mới chỉ được phủ sóng 4G, vẫn còn vũng trũng, lõm, chưa phủ sóng 5G.

- Việc cung cấp, tiếp nhận và xử lý các thủ tục trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đôi khi chưa thông suốt, nhanh, kịp thời.

- Việc ứng dụng công nghệ AI mới chỉ ở mức thử nghiệm; một số nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số còn chồng chéo.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân còn thấp, do thói quen cũ và do nhu cầu thực tế công việc ít sử dụng đến chữ ký số cá nhân.

2. Nguyên nhân

- Công cuộc tinh gọn bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp với tổng số biên chế về công chức, viên chức theo định biên cụ thể, nên hiện tại chưa thể tuyển dụng công chức chuyên trách về công nghệ thông tin.

- Kinh phí để đầu tư cho các hoạt động khoa học công nghệ và chuyển đổi số đòi hỏi là rất lớn, trong khi nguồn ngân sách còn hạn chế.

- Một số máy móc thiết bị đã cũ, xuống cấp, dẫn đến đôi lúc trục trặc, treo máy, mạng nghẽn, tốc độ xử lý của hệ thống Cổng DVCQG đôi lúc bị chậm; Tốc độ tải biểu mẫu, đính kèm hồ sơ còn chậm. Trình độ và kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức và người dân chưa đồng đều.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét:

- Tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cơ sở, nhất là người trực tiếp phụ trách công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, xem xét, tiếp tục đề nghị bố trí kinh phí dành cho công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhằm triển khai

các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số một cách đồng bộ.

- Xem xét, nghiên cứu, định hướng rõ nét về kiến trúc tổng thể chuyển đổi số cấp xã, đồng thời ban hành danh mục cụ thể riêng nhiệm vụ chuyển đổi số cấp xã để dễ thực hiện, thống kê, theo dõi quá trình thực hiện.

- Nghiên cứu, chỉ đạo, hướng dẫn việc sớm triển khai Nghị định 179/NĐ-CP tại cấp xã, đảm bảo đúng việc và đúng người được được phân công trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Trên đây là báo cáo kết quả rà soát, đánh giá toàn diện các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã. Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh biết, kịp thời chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã;
- Ban chỉ đạo xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG T.HƯNG YÊN

Trần Văn Thành